

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2018
V/v “Tranh chấp về ly hôn giữa chị
N và anh Dũng E”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Bà Trần Thị Kim Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1993, địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thành, xã TL, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn Dũng E, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: Số nhà 357 tổ 13, ấp Hưng Thới (nay là ấp Hưng Lợi), xã ĐH, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 06 năm 2017 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dũng E kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 170/2012 ngày 02 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban

nhân dân xã ĐH, huyện C, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, Nng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và anh Dũng E nhiều lần cầm dao dọa chị, vợ chồng ly thân hơn 01 năm. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Dũng E.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011, hiện con đang chung sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Chị không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe Honda hiệu Wawe 110 do anh Dũng E đang quản lý, sử dụng; 01 tủ lạnh và 01 tivi đã qua sử dụng do chị N đang quản lý, sử dụng. Các tài sản trên không yêu cầu Tòa án phân chia và giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Dũng E, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác Nng anh Dũng E vẫn vắng mặt không lý do và ngày 28/3/2018 anh Dũng E cung cấp cho Tòa án bản tự khai với nội dung: Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 5/2016, anh đồng ý ly hôn với chị N, Nng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vợ chồng chị N và anh Dũng E ly thân hơn 01 năm, vợ chồng anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, anh Dũng E còn cầm dao dọa chị N. Tòa án đã triệu tập anh Dũng E nhiều lần để hòa giải, mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng Nng anh Dũng E vẫn vắng mặt, cho thấy anh chị đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ và chồng làm cho tình cảm vợ chồng đã thật sự đến lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu ly hôn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011, hiện cháu K đang sống chung với chị N. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Dũng E cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K, Nng tại phiên tòa anh Dũng E vắng mặt, xE N anh Dũng E đã từ bỏ quyền được trực tiếp nuôi con của mình. Xét, hiện tại cháu K đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập của cháu K nên đề nghị giao cháu K cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xE xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh của cháu K; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân; biên bản xác minh tình trạng cư trú của anh Dũng E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn anh Trần Văn Dũng E đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vẫn vắng mặt và có gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Dũng E kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 170/2012 ngày 02 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện C, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, Nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và anh Dũng E nhiều lần cầm dao dọa chị N, vợ chồng anh chị ly thân đã lâu. Nay chị N cho rằng tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Dũng E.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị N và anh Dũng E, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị thì được chính quyền địa phương, cũng N cha mẹ chị N, anh Dũng E xác nhận vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng 01 năm. Anh Dũng E và chị N có đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, có về thăm nhà vào các dịp lễ, tết. Đồng thời, nhiều lần Tòa án triệu tập anh Dũng E đến Tòa án để hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng Nng anh Dũng E không đến tham dự, cho thấy anh Dũng E hoàn toàn không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Qua đó, thể hiện vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ và chồng theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị N yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh Dũng E.

[2.2] Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011, hiện cháu K đang sống chung với chị N. Chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con. Anh Dũng E cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dạy cháu K, Nhưng tại phiên tòa anh Dũng E vắng mặt nên xem như anh Dũng E đã từ bỏ quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của mình. Xét, yêu cầu của chị N và để tạo điều kiện ổn định tinh thần, sinh sống, học tập, vui chơi của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Dũng E có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Chị N không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017296 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trần Văn Dũng E.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011 cho chị Trần Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng;

2.2. Chị Trần Thị Ngọc N không yêu cầu anh Trần Văn Dũng E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0017296 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã ĐH;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Trần Thị Kim Bình

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiên Trần Thị Kim Bình

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất N sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi